

# Một số vấn đề về quan hệ gia đình qua báo chí

NGUYỄN HỒNG THÁI

Việt Nam bước vào thiên niên kỷ mới bằng công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa. Tăng trưởng kinh tế, hội nhập với thế giới, tiếp cận nền kinh tế tri thức, đã làm biến đổi sâu sắc và toàn diện các quan hệ xã hội, đặc biệt là các quan hệ trong gia đình - với tư cách là "tế bào của xã hội" - hạt nhân của sự phát triển.

Báo chí là hàn thời biểu đo mối quan tâm của xã hội về những vấn đề nảy sinh trong gia đình. Báo chí, với vai trò là phương tiện tổ chức và vận động quần chúng ở phạm vi đại chúng, là một hiện tượng tâm lý xã hội, thể hiện tâm trạng xã hội, phản ánh những đánh giá của các nhóm xã hội về quan hệ gia đình, thông qua đó làm cầu nối giữa ý thức xã hội và hành động xã hội cần và phải có của các nhóm, cộng đồng xã hội - nhất là những người quan tâm nghiên cứu gia đình. Nghiên cứu qua báo chí các vấn đề về gia đình là một cách tiếp cận, nó gợi mở con đường nhận thức nội dung, tập hợp các yếu tố, các tác nhân xã hội, tạo nên những biến đổi rất phức tạp trong quan hệ gia đình. Báo chí phản ánh sự tương tác của những biến đổi trong các quan hệ xã hội tới nội hàm của quan hệ gia đình - giúp xác định những vấn đề cần nghiên cứu sâu, phục vụ cho chiến lược phát triển xã hội bền vững.

Bài viết này nhằm trình bày tóm tắt những vấn đề về phụ nữ - hôn nhân và gia đình ở Việt Nam, mà báo chí đề cập đến trong thời gian gần đây. Qua đó, phần nào thấy được thực trạng, xu hướng biến đổi, các chiều cạnh tác động của những biến đổi kinh tế - xã hội to lớn tới các quan hệ hôn nhân và gia đình.

Những năm gần đây, Viện Xã hội học đã tiến hành thu thập một cách có hệ thống các bài về vấn đề hôn nhân và gia đình đăng trên báo chí. Đây là nguồn cung cấp thông tin vô cùng quý báu cho những nhà nghiên cứu, phản ánh sự đánh giá xã hội (số đông, nhóm) và hướng công chúng của các loại báo. Không phải ngẫu nhiên mà những dấu hiệu đặc trưng của báo như: lứa tuổi, giới, nhu cầu thị hiếu, lãnh thổ,... ảnh hưởng vô cùng lớn tới nội dung, lượng thông tin, và tần suất giao tiếp của công chúng. Chúng tôi đã khảo cứu 110 bài, của 23 loại báo (liệt kê ở phần cuối) ấn hành trong thời gian từ 1/6/1999 đến 30/4/2000. Các báo phụ nữ và an ninh công cộng-pháp luật được coi là nhạy cảm với những vấn đề của phụ nữ hoặc các trường hợp tội phạm đã đăng tải nhiều nhất những bài về phụ nữ-hôn nhân-gia đình. Năm trong số 23 báo, có số bài nhiều nhất thứ tự là: Phụ nữ Việt Nam-16; Pháp luật-14; Giáo dục thời đại-13; Nông thôn ngày nay-10; Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh và Lao động-7. Tuy nhiên với đặc trưng công chúng- chức năng nhiệm vụ riêng của mình, các vấn đề về phụ nữ và gia đình xuất hiện trên các ấn phẩm rất đa dạng, và có sự khác biệt trong cách phản ánh thông tin. Khi khảo cứu các văn bản báo chí về vấn đề gia đình, xác suất được phân theo các chủ đề chia như sau:

1	Bạo lực gia đình	20
2	Tảo hôn, tình dục trước hôn nhân, sức khỏe sinh sản vị thành niên	17
3	Giới, bất bình đẳng giới, phân công lao động gia đình và địa vị xã hội	16
4	Ly hôn	15
5	Ảnh hưởng của các yếu tố truyền thống và hiện đại - dự báo động thái của gia đình	14
6	Quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình	11
7	Các vấn đề khác	17

Vì trong một bài báo, người viết thường đề cập đến nhiều vấn đề, và nhiều chiều cạnh liên quan giữa chúng cùng một lúc, do đó sự phân chia này chỉ mang tính chất tương đối, khó có thể rạch ròi giữa bạo lực - bất bình đẳng giới - phân công lao động gia đình, cũng như ảnh hưởng của truyền thống và hiện đại, quan hệ giữa các thế hệ.... Cách phân chia trên trong một chừng mực nào đó chúng tôi cho rằng đó là những chỉ dẫn để đưa người đọc đến một suy nghĩ xã hội học đó là sự "chỉ báo".

### 1. Bạo lực trong gia đình

Bạo lực trong gia đình là "bất kỳ một hành động bạo lực dựa trên cơ sở giới nào dẫn đến, hoặc có khả năng dẫn đến những tổn thất về thân thể, về tình dục, tâm lý hay những đau khổ của phụ nữ, bao gồm cả sự đe dọa có những hành động như vậy, sự cưỡng bức hay tước đoạt một cách tùy tiện sự tự do, dù nó xảy ra ở nơi công cộng hay trong cuộc sống riêng tư" (Theo Vũ Mạnh Lợi và đồng nghiệp 1999: 10). Theo như định nghĩa trên thì có thể thấy bạo lực trong gia đình được báo giới đề cập đến nhiều nhất, nó tồn tại ở mọi vùng lãnh thổ, mọi lứa tuổi, mọi giai tầng xã hội, tuy nhiên nó cũng có những đặc trưng riêng. "*Bạo lực càng về quê càng phổ biến, càng có học vấn càng tinh vi*". (Hải Yến. Nông thôn ngày nay.17.3.2000). Có ý kiến cho rằng một số phụ nữ có thu nhập đe dọa quyền gia trưởng của các ông chồng cũng có thể trở thành nạn nhân của bạo lực. Số liệu tại Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: 29% ông chồng bạo lực là thất nghiệp, 80% số phụ nữ bị bạo lực có thu nhập, có khi còn là thu nhập chính (Xem thêm Vũ Mạnh Lợi và đồng nghiệp 1999). Thời gian gần đây xu hướng phi tập trung hóa trong quản lý kinh tế và xã hội đã đem lại cho hộ gia đình những chức năng và vai trò kinh tế xã hội mới vô cùng quan trọng. Địa vị vai trò của các thành viên trong gia đình cũng thể hiện theo những xu hướng rất khác nhau. Đàn ông hành xử có tính hướng ngoại. Phụ nữ, ngoài việc tham gia vào các hoạt động kinh tế, còn phải gánh vác hầu như toàn bộ công việc gia đình. Nhất là ở nông thôn, khu vực kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ, phụ nữ luôn là lao động chính trong hầu hết các khâu của quá trình sản xuất. Bạo lực không nhìn thấy được gắn liền với bất bình đẳng trong phân công lao động đang có xu hướng tăng lên. "*Ở nông thôn việc chuyển kinh tế tập thể hợp tác xã sang kinh tế mang tính gia đình có thể kéo theo nguy cơ chuyển từ hình thức lao động tập thể sang hình thức lao động phụ nữ (kinh tế gia đình trong điều kiện chưa có giác ngộ về giới, vợ làm thuê, chồng là chủ)*. Điều đáng lưu ý là chính phụ nữ không nhận ra rằng dạng bạo lực này khi nó chưa quá ngưỡng. (Lê Thị Quý. Khoa học và đời sống.16.4.2000).

Trong xã hội hiện đại, bạo lực trong gia đình, ngày càng được biết đến với nhiều dạng thức tinh vi, gây ra hậu quả vô cùng nghiêm trọng không chỉ trong gia đình, mà còn cho cả xã hội. Nỗi đau về thể xác, khủng hoảng về tinh thần, sự rạn vỡ các quan hệ thiêng liêng trong gia đình khó mà hàn gắn được. "*Ở Mỹ cứ 100 vụ ly hôn có 90 do bạo lực - Thái Lan là 76, ở Hà Nội là 51,*

*thành phố Hồ Chí Minh là 56. Chênh lệch này không phải do ở ta ít mà do phụ nữ không nói ra, do vậy phải đưa pháp luật vào gia đình “ (M.Hoàng-Đặng Khoa. Lao động.18. 9.1999).*

Bạo lực trong gia đình ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng tới việc giáo dục, hình thành nhân cách, hành vi ứng xử của con trẻ - nguồn lực cơ bản trong tương lai của xã hội. Trẻ trưởng thành trong các gia đình nhiều hành vi bạo lực, thường có các biểu hiện tâm lý: *“ Trẻ không biết ai đúng sai? nghe theo ai?, trẻ trở nên bướng không vâng lời, trở nên hiếu thắng bằng bạo lực, dùng bạo lực với người khác, khi có gia đình lại lặp lại gương của bố mẹ”*. (Nguyễn Vũ. Giáo dục và thời đại. 20.1.2000). Nếu lời cảnh báo trên được kiểm chứng, thì để chống lại “vi rút bạo lực”, xã hội không có phương thuốc nào hiệu quả hơn là ngăn chặn bằng mọi cách, bạo lực trong gia đình-môi trường xã hội hóa đầu tiên của trẻ thơ.

Luật pháp nên coi đây là tội phạm và là mầm mống gây ra tội phạm để từ đó tổ chức tốt các đề án trong chương trình quốc gia phòng chống tội phạm. Với hơn 40 văn bản về nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho phụ nữ ở gia đình, trong hơn 50 năm qua, không có điều khoản nào cấm bạo lực phụ nữ, có chăng chỉ là tội gây rối trật tự công cộng. Pháp luật chỉ can thiệp khi người bị hại mang thương tích nặng, hoặc có sự tố cáo của đương sự, mà điều này rất ít xảy ra, tránh “vạch áo cho người xem lưng” là một trong những nguyên nhân làm bạo lực trong gia đình phát triển. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để hạn chế nạn bạo lực?

Muốn hạn chế được bạo lực, việc đầu tiên là cần nâng cao đời sống tinh thần-văn hóa-xã hội, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật cho phụ nữ, tăng cường vai trò của các tổ chức đoàn thể, hội phụ nữ.... Bên cạnh thiết chế thân tộc, thái độ đúng đắn và tích cực của cộng đồng nơi cư trú và làm việc của phụ nữ cũng là tác nhân tham gia vào quá trình kiểm soát và điều hòa, làm giảm bớt thói gia trưởng - nguyên nhân sâu xa của bạo lực. Cũng không thể bỏ qua những nguyên nhân xã hội trực tiếp như nghèo đói, cờ bạc, nghiện rượu và các tệ nạn xã hội khác ngày càng làm bạo lực gia đình tăng. Kết hợp chặt chẽ giữa hai xung lực: việc tự nâng cao hiểu biết pháp luật và địa vị kinh tế xã hội của người phụ nữ - cùng những áp lực của cộng đồng và các thể chế xã hội là cách thức chống bạo lực trong gia đình một cách chủ động, một hướng nghiên cứu cần được quan tâm đặc biệt. Nó thể hiện mối quan hệ chức năng giữa nhà nước (thông qua luật pháp, các định chế) và nhóm xã hội (qua tác động của những chuẩn mực không thành văn) trong việc giải quyết nạn bạo lực. Cơ cấu tác động song hành này, chắc sẽ là bài thuốc hiệu nghiệm cho nạn bạo lực trong gia đình. Một mặt, nó bắt chủ nhân của bạo lực đối mặt trực tiếp với pháp luật. Mặt khác, nó mang tính mềm dẻo khi điều tiết các xung đột bạo lực trong gia đình bằng dư luận xã hội hay bằng thương lượng hòa giải mặt đối mặt - hình thức độc đáo của xã hội dân sự cộng đồng kiểu Việt Nam. Qua đó vừa có thể giải quyết được bạo lực, vừa bảo vệ được hạnh phúc gia đình khi chưa quá ngưỡng, vì chống bạo lực trong gia đình không đồng nghĩa với làm tan vỡ gia đình.

Đối phó với nạn bạo lực, ngoài sự can thiệp của luật pháp, áp lực của cộng đồng và các tổ chức xã hội, khi bạo lực xảy ra, chưa có sự can thiệp kịp thời từ ngoài, ở Việt Nam chúng ta nên chăng thử học tập kinh nghiệm của nước ngoài đó là nhà tạm lánh. *“Nhà tạm lánh phải được phối hợp giữa chính phủ và các tổ chức từ thiện- không chỉ để lánh mà còn tư vấn thậm chí còn dạy nghề. Quan niệm Việt Nam khó chấp nhận phụ nữ bỏ nhà ra đi. Khi hỏi người bị chồng đánh thì 13,3% cần tạm lánh, 86,7% không thể rời gia đình (mẫu 150).* (Nguyễn Thiệp. Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh .6.11.1999). Tuy nhiên, ai đứng ra xây dựng-nhà nước hay cộng đồng? Quản lý và hoạt động của nhà tạm lánh như thế nào còn là thách thức lớn với các

nhà làm công tác xã hội ở nước ta. Một trở ngại khác là ràng buộc của tập tục phong kiến còn nặng trong chị em - nạn nhân chủ yếu của nạn bạo lực.

## **2. Tảo hôn, tình dục trước hôn nhân, sức khỏe sinh sản vị thành niên**

Thanh niên đô thị hiện nay có xu hướng chung là chậm kết hôn, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, có con chậm, dành thời lực cho sự nghiệp. Thậm chí không ít người chịu ảnh hưởng của lối sống phương Tây, chấp nhận cuộc sống độc thân mưu cầu danh nghiệp. Ngược lại, thanh niên nông thôn vẫn đang trong tình trạng tảo hôn. Những vùng dân tộc thiểu số hay các địa phương có đặc trưng riêng như ngư dân, làng nghề gia truyền tinh xảo,... nạn tảo hôn càng nghiêm trọng. "*Mẫu điều tra 1610 em tuổi 15-18 có: 15% đã kết hôn trong đó nam 35,7%, nữ 64,3% và 80,7% sống nông thôn với trình độ phổ thông trung học là 1/5 còn lại chưa hết trung học. Tất cả số tảo hôn đều bỏ học với 3% kết hôn 16 tuổi, 22% tuổi 17, và 75% tuổi 18 và 1/3 số tảo hôn đã có con*". (Đào Quý Mùi. Nông thôn ngày nay.1.6.1999). Như vậy, nạn tảo hôn ở nông thôn gấp 4 lần ở thành phố, trình độ văn hóa chủ yếu là chưa hết phổ thông trung học. Học vấn tỷ lệ nghịch với tảo hôn. Luật hôn nhân gia đình nước ta quy định nữ 18 tuổi, nam 20 tuổi mới được kết hôn nhưng thực tế tình trạng tảo hôn vẫn diễn ra công khai, pháp luật bị vi phạm ngang nhiên. Vì thế có thể nhìn thấy rất rõ sự sai lệch giữa các thể chế thực thi pháp luật và những ràng buộc khác trong cộng đồng ở nước ta. Ở nông thôn khi có trường hợp tảo hôn, chính quyền xã - cơ quan cấp giấy đăng ký kết hôn - biết thì cũng ít có khả năng ngăn chặn vì chúng đều là con cháu trong nhà. Nếu chính quyền không cho đăng ký thì lễ cưới vẫn được tổ chức, vài năm sau, có con lúc đó đã đủ tuổi thì đăng ký. Chính quyền không có bất cứ một biện pháp cưỡng chế hay chế tài nào. Khi còn kinh tế tập thể, việc chế tài bằng các biện pháp kinh tế của hợp tác xã, và hoạt động của các tổ chức xã hội, tổ chức quần chúng đã góp phần hạn chế tình trạng tảo hôn. Đường như tự chủ về kinh tế, làm cho các bậc cha mẹ cảm thấy họ có quyền tổ chức hôn nhân cho con bất cứ lúc nào họ thích.

Tảo hôn nhiều thể hiện một thực trạng xã hội là sự bế tắc của hướng nghiệp, giải quyết việc làm đối với thanh niên, nhất là ở nông thôn. Sau khi bỏ học, không có cơ hội đào tạo nghề, không hội nhập được với khu vực kinh tế nhà nước, kỳ vọng đầu tiên của nữ thanh niên nông thôn là lấy chồng. Nhiều nơi quá 18 tuổi coi là ế.

Yếu tố quan trọng nhất ngăn chặn nạn tảo hôn là phụ huynh. Họ phải được nâng cao nhận thức pháp luật. Phải thấy rõ được tảo hôn ảnh hưởng lớn tới động thái dân số, độ bền vững của gia đình trong tương lai, sức khỏe sinh sản vị thành niên. Những đứa trẻ sinh ra bởi những ông bố bà mẹ chưa trưởng thành cả về mặt sinh học và xã hội, khó có thể là công dân hoàn hảo trong tương lai. Tại một số địa phương tảo hôn tồn tại như một hủ tục và để thay đổi một tập quán như vậy không phải là dễ.

Quan hệ tình dục sớm, tình dục trước hôn nhân là hiện trạng đáng báo động. Nếu như ở nông thôn, tảo hôn là vấn đề nhức nhối, thì ở thành phố, xu hướng tách rời quan hệ tình dục với hôn nhân (được hiểu theo nghĩa trước và ngoài hôn nhân) đưa đến những hệ lụy vô cùng nguy hại. Những "bà mẹ bất đắc dĩ", những cuộc trả thù tình dịch dã man, những vụ quỳ sinh đầy thương tâm, là hậu quả xã hội của những hành vi tình dục phi chuẩn mực và thiếu hiểu biết trong quan hệ giới tính. Nguyên nhân về mặt xã hội là sự buông lỏng kỷ cương, chuẩn mực đạo đức trong qua trình tăng trưởng kinh tế và mở cửa. Bố mẹ bị cuốn theo nhịp sống sôi động, không gần gũi con cái, ảnh hưởng của văn hóa đồi trụy... Trong khi đó trẻ vị thành niên đang trải qua giai đoạn biến chuyển rất phức tạp về tâm sinh lý, đòi hỏi việc quan tâm thường xuyên của cha mẹ, nhà trường và người xung quanh "*Các biện pháp giáo dục giới tính, tránh thai chưa tới được*

vị thành niên, cần nghiên cứu đưa vào nhà trường. Chưa tận dụng hết được năng lực của các chuyên gia, học giả". (Nguyễn Văn Dũng. Nhân dân.12.1.2000)

### 3. Giới, bất bình đẳng giới, phân công lao động gia đình và địa vị xã hội

Nhận thức không đúng về giới - bất bình đẳng giới, ngày nay được giới nghiên cứu và các phương tiện thông tin đại chúng rất quan tâm. Dưới tác động truyền thông về các phong trào giải phóng và nâng cao địa vị kinh tế xã hội của phụ nữ, đã có sự thay đổi cả về nhận thức và hành động của xã hội và các cặp vợ chồng trong tương quan về giới với phân công lao động trong gia đình. Sự thay đổi này diễn ra với cường độ mạnh hơn ở các gia đình trẻ và ở đô thị. Họ kết hôn muộn, giành thời gian cho lập nghiệp, sống bình đẳng và thực tế hơn "62,8% muốn có con đầu lòng 2 năm sau ngày cưới". Họ đã chú trọng đến chiến lược sống- kết quả tương hợp bình đẳng của hai vợ chồng - tạo điều kiện cho nhau và cho gia đình phát triển bền vững. "*Chồng trẻ tham gia vào công việc gia đình nhiều hơn... Quan hệ gia đình ở đô thị ngày nay bình đẳng và dân chủ hơn*" (Dư Hà. Người lao động.30.8.1999).

Bản chất mối quan hệ gia đình phản ánh nền văn hóa của một dân tộc, tính chất của chế độ chính trị xã hội và tác động của các nền văn hóa khác. Địa vị, vai trò của phụ nữ Việt Nam luôn bị ảnh hưởng bởi tập tục và lễ giáo phong kiến, hằn sâu từ bao đời trong nếp nghĩ, cách hành xử nơi gia đình và xã hội. Họ luôn phải đối mặt với áp lực công việc và áp lực gia đình. Đối mặt với sự khó tương thích giữa chăm sóc gia đình, giáo dục con cái được coi là thiên chức của phụ nữ - với nâng cao địa vị xã hội- nghề nghiệp. Sự bất bình đẳng giới được bắt nguồn từ trong gia đình, từ những mối quan hệ gần gũi như quan hệ vợ chồng. Chính vì thế bất bình đẳng giới diễn ra có vẻ như rất êm ái, dễ dàng và rất ít gặp lại sự phản kháng mãnh liệt từ phụ nữ. Bất bình đẳng giới là nguồn gốc cơ bản về mặt lịch sử và xã hội của những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu trong quan hệ vợ chồng. Những nhu cầu lợi ích cá nhân không được đáp ứng trong hôn nhân dần dần trở thành xung đột và kéo theo những hậu quả tiêu cực về mặt xã hội mà xã hội và gia đình không phải là hai thực thể đối lập nhau. Tuy nhiên, để giải quyết hợp lý mối quan hệ này, cần và phải có hợp lực của toàn xã hội, với mọi phương thức và phương tiện có thể, thực chất là tìm sự đồng thuận trong gia đình để giải quyết mối tương quan giữa quyền lợi và nghĩa vụ của phụ nữ, dưới tác động định hướng của các yếu tố truyền thống và hiện đại.

Xu hướng truyền thống, làm kìm hãm tính tích cực xã hội của phụ nữ cả trong hai lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng. Một mặt, lao động nữ thường có trình độ chuyên môn, tay nghề và thu nhập thấp hơn nam giới, tác động âm tính tới quá trình phát triển kinh tế, hiện đại hóa trên toàn xã hội. Mặt khác, "*Các nhà kinh tế cho thấy rằng: hoạt động của phụ nữ kích thích tiêu dùng và tăng trưởng... Phụ nữ càng làm việc nhiều thất nghiệp càng bớt*" (Huệ Anh. Hà Nội mới.4.3.2000). Do vậy, việc thiếu hụt các quyết định của phụ nữ trong sản xuất và tiêu dùng là bất cập lớn đối với việc phát triển kinh tế xã hội.

Về mặt xã hội, công cuộc đổi mới và hội nhập, đã đem đến cho phụ nữ vận hội tuyệt vời để thực hiện nam nữ bình quyền, nâng cao vai trò, địa vị của phụ nữ trong xã hội. Tuy nhiên, lý thuyết phát triển bền vững cũng cho ta thấy tác động nghịch chiều của tăng trưởng kinh tế với vị thế của phụ nữ trong gia đình trong khi khuôn mẫu truyền thống về trách nhiệm gia đình của phụ nữ chưa thay đổi đáng kể. Một hiện thực khách quan là: xã hội công nghiệp và hệ thống dịch vụ xã hội tách dần phụ nữ ra khỏi gia đình. Công việc đè nặng lên vai phụ nữ, họ phải phấn đấu tự khẳng định mình nếu không muốn bị đào thải. Tác giả Lê Thủy (Người lao động. 6.3.2000) đã có quan sát sắc sảo rằng:

*“Phụ nữ càng thành đạt gia đình càng dễ đổ vỡ... Phụ nữ càng có quyền thì gia đình càng có vấn đề vì bản thân họ nhận thức chưa đúng về chức năng gia đình”.* Tác giả Nguyễn Quỳnh (Lao động xã hội. 23.4.2000) cũng thấy rõ mâu thuẫn này: *“Địa vị xã hội mới làm tăng mâu thuẫn và suy giảm khả năng chịu đựng của phụ nữ”.* Mà khả năng chịu đựng của phụ nữ, có tính lịch sử tư tưởng, đôi khi là tác nhân đủ cần - có thể là tiêu cực - để gia đình bền vững. Cho nên, giữ được hạnh phúc gia đình là cả một nghệ thuật. Xung đột gia đình mức độ vừa phải là khó tránh khỏi và đôi khi làm cuộc sống gia đình đỡ tẻ nhạt.

#### 4. Ly hôn

Nhận thức không đúng về giới, bất bình đẳng giới, bạo lực trong gia đình, khó khăn về kinh tế, nuôi dạy con cái, tệ nạn xã hội... là một chuỗi các mất xích ảnh hưởng đến độ bền vững của gia đình. Ly hôn là sự tan vỡ của các quan hệ hôn nhân và gia đình về mặt tình cảm, kinh tế và pháp lý. Ly hôn, vợ chồng không phải là người đau khổ, thậm chí còn là sự giải thoát cho nhau nhưng con trẻ là người đau khổ nhất. Thái độ của bố mẹ khi ly hôn có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hình thành nhân cách của con trẻ. Người lớn không nên biểu hiện căm giận oán trách nhau trước mặt trẻ, phải nói thật và từ từ với trẻ, cho trẻ hiểu bố mẹ chia tay song vẫn thương yêu con và có trách nhiệm, trẻ không có lỗi gì trong việc ly hôn của bố mẹ. *“Tùy lứa tuổi của trẻ, mức độ và phạm vi ảnh hưởng của ly hôn có khác nhau. Trẻ lớn có tâm lý mâu thuẫn: muốn bố mẹ hạnh phúc song có tình cảm phức tạp khi bố mẹ quan hệ với người khác”* (Hong Anh. Giáo dục và thời đại.9.3.2000).

Bảo vệ quyền lợi của con trẻ và phụ nữ sau ly hôn là vấn đề nan giải đối với cơ quan hành pháp, và các tổ chức xã hội ở mọi cấp. Ly hôn là loại án có tỷ lệ cao nhất trong tất cả các loại án. Việc thi hành án sau ly hôn vô cùng khó khăn. Phụ nữ càng làm dâu lâu càng thiệt thòi, công sức góp cho nhà chồng không được tính vì công việc của phụ nữ là rất khó lượng hóa. Đóng góp của họ là vô giá, song hiếm khi được nhìn nhận một cách hiện hữu thông qua các thủ tục pháp lý. *“Ly hôn thua thiệt về vật chất với phụ nữ do lúc thường không nghĩ đến chứng lý”* (Lê Thanh Lương. Pháp luật.6.3.2000). Trong gia đình thông thường các tài sản có giá trị thường đứng tên chồng. Khi ly hôn người phụ nữ hầu như không được chia tài sản, nhất là ở chung với gia đình nhà chồng. Đặc biệt việc chia ruộng đất sau ly hôn. Trong xã hội nông thôn - ruộng đất tư liệu sản xuất chủ yếu nhất - thường được chia không công bằng cho phụ nữ sau ly hôn. Nhiều trường hợp, về nhà mẹ đẻ không một tấc đất, đây là một dạng thức bán cùng hóa nữ nông dân sau ly hôn. Ở nông thôn *“các vùng có nghề phụ, thu nhập cao, ly hôn ít hơn thuần nông và giải quyết tài sản sau ly hôn cũng dễ hơn”* (Liễu Chi. Phụ nữ Việt Nam. 2.8.1999).

Thái độ chấp hành án của các ông bố rất đáng lo ngại. Việc theo dõi thi hành án ly hôn: *“chỉ có 10-20% tự giác thực hiện - đây là các đối tượng có nghề nghiệp ổn định trong nhà nước hay một tổ chức nào đó”* (Đà Nẵng, mẫu 1800-Hồ Thu. Pháp luật. 26.10.1999). Để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, bên cạnh biện pháp cưỡng chế nên trợ cấp một lần, hay trợ cấp dài hạn cho họ.

Ly hôn, tuy còn nhiều định kiến và hậu quả xã hội không lường hết được, song trong xã hội công nghiệp - nơi tự do cá nhân được coi trọng - *“nó là giải pháp hữu hiệu, tích cực, cần thiết, là công nhận về pháp lý cho một lối thoát”* (Anh Đào. Pháp luật.12.12.1999). Đây là sự tiến bộ xã hội trong cách đánh giá việc ly hôn của các tầng lớp công chúng. Song gần đây dư luận lên án nhiều hiện tượng ly hôn cao tuổi (trên 60) như một dạng thức tranh đoạt tài sản. Đặc biệt là ly hôn ảo do xuất khẩu lao động, hoặc muốn

có con thứ 3, trong nhiều trường hợp, hậu quả là giả thành thật, phụ nữ thường nhận phần thua thiệt đây là bài học cảnh báo cho những phụ nữ ít hiểu biết pháp luật lại muốn lợi dụng những kẽ hở của luật.

### 5. Ảnh hưởng các yếu tố truyền thống và hiện đại - xu hướng động thái của gia đình

Xây dựng gia đình văn hóa mới, kết hợp truyền thống với hiện đại, là một trong những mục tiêu phát triển xã hội của Đảng và nhà nước ta. Quá trình này chịu sự tác động mạnh mẽ của việc chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế trong nước, và hội nhập quốc tế. Chúng ta chuyển từ một xã hội quan liêu bao cấp sang xã hội tiêu dùng - kết quả của công nghiệp hóa, hiện đại hóa - đang thách thức đời sống gia đình. Trong thời kỳ chuyển đổi này cái mới chưa hình thành, hoàn thiện, các giá trị cũ đang được sàng lọc, thì bất cập thái quá dễ xảy ra, do vậy phải nhìn nhận xã hội tiêu dùng trong sự vận động phát triển của văn hóa dân tộc. Hàng loạt các tác nhân xã hội mới, làm giảm sự cố kết trong gia đình giữa vợ và chồng như: phạm vi hoạt động mở rộng, vai trò của phụ nữ thay đổi, tâm lý chuộng hình thức, sự chuyển dịch môi trường sống và làm việc, quy định chặt chẽ về thời gian cùng các dịch vụ xã hội và cộng đồng. Văn hóa gia đình cũng chuyển đổi từ truyền thống sang hiện đại, theo định hướng "*tính độc lập, tính chủ động của nó đang được khôi phục và phát triển*", "*Bình đẳng dân chủ là quyền cơ bản, quyền con người mà gia đình phải bảo vệ. Hạnh phúc của mỗi gia đình không thể trên cơ sở tước đoạt hạnh phúc người khác, làm hại lợi ích cộng đồng xã hội*" (Lê Thi. Phụ nữ Việt Nam. 18.10.1999).

Trong xã hội hiện đại, chức năng gia đình chuyển từ dạng tổ chức nặng về sản xuất và tiêu dùng vật chất sang một hình thái tinh thần. Xã hội thông tin, đem lại thời gian tối giản cho mọi quá trình xã hội. Do vậy, gia đình là nơi tiêu thụ thời gian nhiều nhất, bổ ích, yên tĩnh nhất. Các hoạt động xã hội sẽ được gia đình hóa thông qua máy tính. Còn rất ít các cuộc tiếp xúc trực tiếp, con người sẽ xa lánh xã hội dù vô thức hay ý thức.

Số người kết hôn muộn, không kết hôn, ít con hoặc không con tăng lên. Hôn nhân được chú trọng đến chất lượng là sự kết hợp đầy đủ của cảm tính và lý tính. Ly hôn tăng đánh giá mức độ tự do của con người trong việc xử lý đời sống riêng tư, đánh dấu văn minh tiến bộ xã hội song cũng kéo theo nhiều hệ lụy. Dân số già đi làm xuất hiện gia đình không đầy đủ hoặc gia đình ghép. "*Hiện tượng ly hôn và tái kết hôn tăng tỷ lệ thuận bởi mọi người nhất là người già có nhu cầu tìm lại sự ấm áp gia đình*" (Bảo Châu. Giáo dục và thời đại. 6.2.2000).

Yếu tố bảo thủ nhất, trong các quan hệ gia đình là phân công lao động. Chúng ta không kỳ vọng một sớm một chiều có thể thực hiện được bình đẳng giới trong gia đình. Cơ chế điều tiết các quan hệ nội bộ trong gia đình, chủ yếu vẫn theo chế độ phụ hệ, tuy nhiên sẽ có nhiều thay đổi phụ thuộc nhiều vào "*đặc điểm tâm sinh lý, lứa tuổi nhận thức, chuẩn mực luân lý đạo đức, văn hóa lối sống*" (Ngô Tuấn Dung. Phụ nữ Việt Nam.14.2.2000).

Kinh tế thời mở cửa, nảy sinh hiện tượng lấy chồng vì tiền không kể tuổi tác - lấy người nước ngoài. Dịch vụ môi giới hôn nhân, cùng các đường dây buôn bán phụ nữ xuyên quốc gia có điều kiện phát triển. Tuy nhiên, "*các cuộc hôn nhân khắp khiêng không thể là tế bào khỏe cho xã hội*" (Phùng Ngọc Đức. Pháp luật chuyên đề. 3.2000), ngoài ra còn xuất hiện số hiện tượng mới như con ngoài giá thú, con nuôi. Việc quy định tên sở hữu và đăng ký tài sản cố định là rất mới tạo điều kiện phân chia tài sản và thực hiện luật thừa kế. Người già sống độc thân, nhu cầu nhà dưỡng lão cùng các hình thức bảo trợ xã hội là thực tế cần quan tâm nghiên cứu.

## 6. Quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình

Ngày nay, tính dân chủ và bình đẳng giữa các đối tượng trong gia đình trở thành một xu hướng tích cực của xã hội, ông bà, cha mẹ là người bạn lớn của cháu con. Song hầu như việc giáo dục con cái lại là việc của phụ nữ.

Quan điểm đúng đắn là cả cha lẫn mẹ đều giữ vai trò quan trọng trong việc giáo dục con cái. Con cái phải phục tùng cha mẹ và được quyền có quan điểm ý kiến riêng. Những năm gần đây có sự giảm sút trách nhiệm, vai trò quản lý, giáo dục của cộng đồng với thanh niên nên vai trò của gia đình càng quan trọng. Việc quan tâm, hiệu quả giáo dục con cái không chỉ thể hiện ở thời lượng, mà còn là phương pháp, tính toàn diện, không chỉ ở kiến thức mà còn là giáo dục tư tưởng. *“Cha mẹ hiện nay vẫn ít quan tâm đến giáo dục giới tính và có phản ứng tiêu cực khi có hậu quả”* (Thu Hương. Phụ nữ Thủ đô. 8.9.1999). Các em nhất là em gái khi gặp trục trặc trong tình yêu thường không tìm được sự chỉ bảo động viên trong gia đình, từ bố mẹ. Nhiều trung tâm tư vấn đã hình thành, nhưng do tâm lý mặc cảm, xấu hổ nên tác dụng còn hạn chế.

Trách nhiệm của người bố trong gia đình ngày càng được đòi hỏi cao. Nó phải được thể hiện ở lòng mong muốn dành thời gian cho chăm sóc và giáo dục con - hiện nay chỉ vào khoảng 20% so với mẹ. Người bố phải là chỗ dựa vật chất, tác động tình cảm, ý chí của con cái. *“Bố ảnh hưởng đến con về nhiều mặt: thông qua các quyết định, ảnh hưởng đến thể lực tính cách, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến phúc lợi giành cho con”* (Nguyễn Thị Khoa. Khoa học và đời sống. 10.10. 1999).

Xu hướng hạt nhân hóa - kết quả của quá trình đô thị hóa và sản nghiệp hóa - làm quy mô gia đình ngày càng nhỏ lại. Tách biệt nơi cư trú của con cái khi xây dựng gia đình và sự xuất hiện các kênh giao tiếp gián tiếp với sự trợ giúp của các phương tiện truyền thông hiện đại, làm sự liên hệ, thông cảm giữa các thế hệ càng ít đi. Người già trở nên cô lẻ, có sự chia ly ông - bà, ở với con cháu khác nhau. *“May lắm con cái chỉ hổ trợ về vật chất, còn đời sống tinh thần, tình cảm bị lãng quên”* (Bùi Thị Xuân. Giáo dục và thời đại. 3.10.1999). Vấn đề người già ở Việt Nam hiện nay không chỉ dừng lại trong khuôn khổ gia đình mà đang được coi là vấn đề của toàn xã hội. Người già có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc điều tiết các quan hệ gia đình, thân tộc, giáo dục con cháu. Ông bà là những nhà giáo tốt nhất. Bố mẹ bận, ít có thời gian chăm sóc con cái nhất là về tinh thần, đạo đức, văn hóa. Ông bà có thể đảm nhận thay mặt bố mẹ chăm sóc các cháu. Qua đó các bậc cao tuổi có điều kiện sửa sai các lỗi lầm thời trẻ, khuyên con cháu đừng mắc phải.

**7. Ngoài ra các báo cũng đề cập tới một số vấn đề, các hiện tượng xã hội** tuy không tập trung nhưng rất bức xúc. Trước hết, đó là vấn đề lao động nữ và trẻ em ra thành phố làm thuê. Họ thường nhận tiền công rẻ mạt, việc làm bấp bênh và dễ bị xâm hại về tình dục. Các bà mẹ trẻ có con để ở quê, thường gặp những tổn thương không lường trước được. Chồng hoặc ông, bà không thể nuôi dưỡng đứa trẻ chu đáo, khi người phụ nữ mang tiền về thì đứa con nhiều khi rơi vào tình trạng thiếu năng về trí tuệ, quặt quẹo về thể xác. Có nhiều trường hợp người chồng dùng tiền vợ kiến được để cờ bạc, hoặc ngoại tình.

Phụ nữ sống và làm việc ở môi trường mất cân bằng giới tính trong cơ cấu nhân khẩu và tương đối biệt lập về xã hội, khó xây dựng gia đình, muốn có con bằng mọi giá. Các em sinh ra, trưởng thành trong các gia đình của phụ nữ rơi vào hoàn cảnh đó, thường là không có bố, kinh tế thường rất khó khăn, các em phải chịu nhiều thành kiến và cả sự đối xử không công bằng của xã hội. Điều này có thể được bù đắp phần nào bởi tình thương vô bờ bến của

người mẹ, song khi đến tuổi trưởng thành, những em này-đặc biệt là những bé gái-có lặp lại con đường cũ của mẹ hay không, nếu điều kiện xã hội, môi trường sống và làm việc không thay đổi.? Đây là một thực tế, nhiều khi rất thương tâm, nhưng xã hội chưa có những giải pháp hữu hiệu. Ngoài ra, còn có sự cảnh báo về nạn buôn bán trẻ em và phụ nữ, về hôn nhân trái pháp luật.

Trên đây là một số vấn đề về quan hệ trong gia đình, mà bước đầu chúng tôi thấy nổi bật lên, thông qua việc khảo cứu báo chí, nhằm nhìn nhận thực trạng các tác nhân và xu hướng biến đổi của các quan hệ trong gia đình. Trật tự của vấn đề, hoàn toàn không thể hiện tầm quan trọng hơn, hay tính bức thiết của nó. Nó chỉ gợi mở các lĩnh vực nghiên cứu cho những người quan tâm. Tuy nhiên, nó cũng chỉ ra được những vấn đề có tính cấp bách về quan hệ gia đình, đang tạo nên mối quan tâm chung của toàn xã hội. Qua đó tác động lên các thiết chế xã hội và thử đề xuất các phương án hành động. Chẳng hạn như vấn đề bạo lực trong gia đình, được đề cập đến nhiều nhất, có thể giả định là do sự gia tăng cả về số lượng và các dạng thức tinh vi của nó. Cũng có thể, là xã hội ngày càng tự nhận thức được rằng đây không còn là vấn đề riêng tư nữa, khi nó ảnh hưởng tới đời sống tinh thần của cả xã hội. Thậm chí, còn thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các tổ chức quốc tế như tổ chức CARE tại thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với trung tâm tư vấn tâm lý -giáo dục và tình yêu -hôn nhân-gia đình thực hiện dự án “chống bạo lực trong gia đình” với hai bước đầu tiên: thành lập văn phòng hỗ trợ gia đình và tiến hành khảo sát, mà số liệu của nó được dùng làm cơ sở cho rất nhiều bài báo về bạo lực trong gia đình. Báo chí-một kênh của truyền thông đại chúng-nó không chỉ truyền các thông tin mà còn tạo ra sự liên kết xã hội, tác động tới các nhóm công chúng rất khác nhau. Sự biến đổi của các quan hệ gia đình trong thời kỳ đổi mới, được báo chí đề cập tới mọi khía cạnh, diễn ra ở các vùng (nông thôn, đô thị). Qua đó có thể cho thấy được những đường nét trong bức tranh quan hệ hôn nhân-phụ nữ và gia đình trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hữu Minh, Vũ Tuấn Huy, Vũ Mạnh Lợi: *Bạo lực trên cơ sở giới: trường hợp ở Việt Nam*. Tài liệu của ngân hàng thế giới do các nhà nghiên cứu của Viện Xã hội học thực hiện tháng 11 năm 1999.
2. Mai Quỳnh Nam: *Mấy vấn đề về dư luận xã hội trong công cuộc đổi mới*. Tạp chí Xã hội học số 2(54) 1996.
3. Các báo: *Nông thôn ngày nay - Sài Gòn giải phóng - Lao động xã hội - Phụ nữ Việt Nam - Nông dân - Giáo dục thời đại - Tiên phong - Thanh niên - Pháp luật - Người lao động - Phụ nữ thủ đô - Lao động - Khoa học và đời sống - Đại đoàn kết - Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh - Tin tức chuyên đề - Lao động thủ đô - Văn hóa - Gia đình và xã hội - Hà Nội mới - Sài Gòn giải phóng - Công an nhân dân - Người cao tuổi*.

#### Các trích dẫn trong bài được lấy trong các bài sau:

- Anh Đào. 12.12.1999. Ly hôn - tại sao không? Pháp luật.
- Anh Đào.10.12.1999. Vì sao ly hôn ở nông thôn ngày càng tăng. Nông thôn ngày nay.
- Bảo Châu. 6.2.2000. Hình thái gia đình vào thiên niên kỷ mới. Giáo dục và thời đại Chủ nhật.
- Bùi Thị Xuân.3.10.1999. Người cao tuổi trong đời sống gia đình ngày nay. Giáo dục và thời đại Chủ nhật.
- Dư Hà.30.8.1999. Gia đình trẻ: bình đẳng hơn, thực tế hơn. Người lao động.

- Đào Quý Mùi.1.6.1999. Tảo hôn- nguy cơ đe dọa sức khỏe sinh sản vị thành niên ở nông thôn. Nông thôn ngày nay.
- Hải Yến.17.3.2000. Phụ nữ cần làm gì trước nạn bạo hành. Nông thôn ngày nay.
- Hoàng Đăng Khoa.18.9.1999. Hãy để xã hội thực hiện trách nhiệm của mình. Lao động.
- Hồ Thu.26.10.1999. Lối rẽ của cha mẹ và những bất hạnh của con cái. Pháp luật.
- Hồng Anh.9.3.2000. Làm gì với con trẻ khi bố mẹ ly dị. Giáo dục và thời đại.
- Huệ Anh.4.3.2000. Phụ nữ đi làm: xu thế không thể đảo ngược. Hà Nội mới.
- Lê Thanh Lương.6.3.2000. Ly hôn và những thiệt thòi của người phụ nữ. Pháp luật.
- Lê Thị Quý.23.4.2000. Bạo lực trong gia đình-nguyên nhân từ sự bất bình đẳng nam nữ. Khoa học và đời sống.
- Lê Thị Quý. 16.4.2000. Bạo lực không nhìn thấy được. Khoa học và đời sống.
- Lệ Thủy. 6.3.2000. Đối mặt với áp lực công việc và áp lực gia đình. Người lao động.
- Liễu Chi.2.8.1999. Vài điều suy nghĩ về quyền lợi của phụ nữ nông thôn qua việc thi hành án sau ly hôn ở Bắc Ninh. Phụ nữ Việt Nam.
- Mai Quỳnh Nam. Số 2-1996. Mấy vấn đề về dư luận xã hội trong công cuộc đổi mới. Tạp chí Xã hội học.
- Ngô Tuấn Dung.14.2.2000. Gia đình của cư dân ở thành phố Hà Nội hiện nay, xét từ góc độ tâm lý xã hội. Phụ nữ Việt Nam.
- Nguyễn Quỳnh.23.4.2000.Xung đột vợ chồng-vấn đề khó gỡ. Lao động xã hội.
- Nguyễn Thiện.3.11.1999. Bài thuốc nào cho nạn bạo hành. Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Khoa.10.10.1999. Quan hệ cha-con trong gia đình. Khoa học và đời sống.
- Nguyễn Văn Dũng.12.1.2000. Sức khỏe sinh sản và giải pháp. Nhân dân.
- Nguyễn Vũ.27.1.2000. Chống bạo hành trong gia đình: Măng được uốn tre bớt “vọt vồng”. Giáo dục và thời đại.
- Phùng Ngọc Đức. 3-2000. Hôn nhân và gia đình thời hiện đại. Pháp luật chuyên đề tháng.
- Thu Hương.8.9.1999. Giáo dục giới tính trong gia đình. Phụ nữ Thủ đô.
- Vũ Mạnh Lợi, Vũ Tuấn Huy, Nguyễn Hữu Minh. 1999. Việt Nam: Bạo lực trên cơ sở giới. Hà Nội: Ngân hàng Thế giới.